

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 7588 /KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 02 tháng 7 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1042/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016-2020); Quyết định số 376/QĐ-BNV ngày 04/6/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Thực hiện Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND tỉnh ban hành Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012-2020; Kế hoạch số 4621/KH-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về triển khai thực hiện Chương trình Phát triển thanh niên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 3150/KH-UBND ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh về quản lý nhà nước về thanh niên tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (sau đây gọi tắt là Chiến lược giai đoạn 2011-2020) của các sở, ban, ngành và địa phương; qua đó nêu bật những thành tích, hiệu quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030; kiến nghị, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thanh niên và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020.

- Rút ra bài học kinh nghiệm và phương hướng nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược giai đoạn 2021-2030) với các mục tiêu, chỉ tiêu

phát triển thanh niên cụ thể trên từng lĩnh vực, phù hợp với thực tiễn đất nước trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết phải đánh giá cụ thể, khách quan kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phân công; rà soát, thống kê hệ thống văn bản triển khai thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 của sở, ban, ngành, địa phương và các số liệu liên quan bảo đảm đầy đủ, chính xác.

- Công tác tổ chức Tổng kết Chiến lược giai đoạn 2011-2020 phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương; tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả của các sở, ban, ngành, địa phương. Công tác khen thưởng thực hiện đúng quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Việc xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021-2030 bảo đảm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về thanh niên; bảo đảm tính kế thừa, đồng thời đề xuất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên mới nhằm phát triển toàn diện thanh niên.

II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Thời gian và địa điểm tổ chức

Dự kiến trong tháng 7/2020 (UBND tỉnh sẽ có văn bản thông báo thời gian, địa điểm cụ thể sau).

2. Thành phần và số lượng tham dự

- Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì hội nghị;
- Đại diện các Ban đảng: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy (01 người/đơn vị);
- Lãnh đạo và công chức phụ trách công tác thanh niên các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh (02 người/đơn vị);
- Đại diện lãnh đạo: Ủy ban Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn; Ban Thường vụ các huyện, thành Đoàn và Đoàn trực thuộc (01 người/đơn vị);
- Lãnh đạo UBND các huyện, thành phố (01 người/đơn vị);
- Lãnh đạo và công chức phụ trách công tác quản lý nhà nước về thanh niên Phòng Nội vụ các huyện, thành phố (02 người/đơn vị);
- Đại diện tập thể và các cá nhân được cấp có thẩm quyền khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020.

3. Nội dung

- a) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 và đề xuất xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030.
- b) Tham luận của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức Hội nghị Tổng kết Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020 được cấp từ nguồn ngân sách của tỉnh theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công báo cáo tham luận

a) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chuẩn bị nội dung tham luận về “Giáo dục nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho thanh niên”;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị nội dung tham luận về “Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường; giáo dục pháp luật và phòng chống các hiện tượng tiêu cực trong trường học, đẩy lùi tệ nạn xã hội trong thanh niên học sinh”;

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chuẩn bị nội dung tham luận “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên”;

d) UBND thành phố Biên Hòa, UBND huyện Long Thành chuẩn bị nội dung tham luận công tác quán triệt, triển khai, kết quả thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn huyện, thành phố;

e) Đề nghị Tỉnh đoàn chuẩn bị nội dung tham luận về vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên trong việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

g) Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai chuẩn bị nội dung tham luận về công tác đoàn và phong trào đoàn thanh niên trường học trong việc thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Các đơn vị chuẩn bị tham luận tại Hội nghị gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ qua email: xdcq@dongnai.gov.vn) **trước ngày 06/7/2020**.

2. Giao trách nhiệm

a) Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 theo đúng các nội dung của kế hoạch; đề xuất cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức Hội nghị tổng kết cấp tỉnh; chuẩn bị bài phát biểu, tài liệu liên quan.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020 theo thẩm quyền.

- Tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011-2020 của địa phương.

- Xây dựng dự toán kinh phí chi tiết trình UBND tỉnh, Sở Tài chính thẩm định cân đối cấp kinh phí đảm bảo tổ chức Hội nghị thiết thực, hiệu quả.

b) Sở Tài chính

Phối hợp Sở Nội vụ bố trí kinh phí ngoài khoán tổ chức Hội nghị Tổng kết; thẩm định, hướng dẫn thủ tục lập dự toán và quyết toán kinh phí theo quy định.

c) Văn phòng UBND tỉnh

Phát hành Giấy mời các đại biểu dự Hội nghị theo Kế hoạch; chuẩn bị Hội trường, phối hợp Sở Nội vụ chuẩn bị công tác tổ chức và triển khai, đôn đốc thực hiện kế hoạch.

d) Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược, chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020 theo 05 phụ lục đề cương và biểu thống kê gửi kèm gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) và chuẩn bị báo cáo tham luận thuộc nội dung trong Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020.

- Lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị UBND tỉnh khen thưởng.

e) Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai

Tổ chức thông tin tuyên truyền, đưa tin về Hội nghị.

Trên đây là Kế hoạch Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030; UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện bảo đảm tiến độ, mục đích, yêu cầu đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ Công tác thanh niên - Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT&TH Đồng Nai;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX, SNV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

PHỤ LỤC I
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT
TRIỂN THANH NIÊN VIỆT NAM VÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
THANH NIÊN CỦA SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**
(Kèm theo Kế hoạch số 758/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh)

Phạm vi báo cáo, đánh giá:

- Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chiến lược).

- Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II (2016 - 2020) được ban hành kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 1042).

- Chương trình, Kế hoạch phát triển thanh niên của sở, ngành và địa phương giai đoạn 2011 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình, Kế hoạch của sở, ngành, địa phương).

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THANH NIÊN CỦA SỞ, NGÀNH VÀ
ĐỊA PHƯƠNG:**

- Các số liệu cơ bản về số lượng, tỷ lệ thanh niên; độ tuổi trung bình; tỷ lệ nam, nữ; trình độ học vấn; cơ cấu nghề nghiệp/việc làm; tỷ lệ thanh niên làm việc trong và ngoài khu vực công (đối với các địa phương); các nhóm thanh niên yếu thế;...

- Những nét đặc thù về thanh niên của sở, ngành, địa phương; nhu cầu, nguyện vọng của đa số thanh niên hiện nay.

- Đánh giá những biến động về tình hình thanh niên sau 10 năm thực hiện Chiến lược; những khó khăn, thách thức cơ bản đặt ra đối với thanh niên hiện nay.

- Xu hướng và dự báo tình hình thanh niên trong 10 năm tới.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT
TRIỂN THANH NIÊN GIAI ĐOẠN 2011 - 2020:**

1. Kết quả công tác chỉ đạo triển khai thực hiện, bao gồm:

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến Chiến lược, Kế hoạch 1042, Chương trình, Kế hoạch của sở, ngành và địa phương;

b) Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện;

- c) Công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện;
- d) Công tác chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

(Thống kê số liệu theo Phụ lục II gửi kèm).

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên:

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược và Kế hoạch 1042, trong đó:

a) So sánh, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch 1042 và các chỉ tiêu trong Chương trình, Kế hoạch của sở, ngành, địa phương; nếu các chỉ tiêu đạt được trên thực tế thấp hơn so với chỉ tiêu của Kế hoạch 1042 thì nêu rõ nguyên nhân (thống kê số liệu theo Phụ lục III gửi kèm).

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao tại Chiến lược, Kế hoạch 1042 và Chương trình, Kế hoạch của sở, ngành, địa phương:

- Báo cáo, đánh giá về nội dung và tiến độ thực hiện;
- Nếu nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án nào không thực hiện hoặc chậm tiến độ thì nêu rõ nguyên nhân.

c) Đánh giá hiệu quả triển khai các nhiệm vụ/giải pháp của Chiến lược và Kế hoạch 1042:

- Đánh giá tác động của việc thực hiện các nhiệm vụ/giải pháp đối với sự phát triển của thanh niên trong 10 năm qua.

- Nêu những kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả của sở, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện Chiến lược.

d) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án phát triển thanh niên:

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp;
- Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa hoặc các nguồn thu hợp pháp khác;
- Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đã được lồng ghép thực hiện nhiệm vụ khác của sở, ngành và địa phương.

(Nội dung điểm b và điểm d thống kê chi tiết theo Phụ lục IV gửi kèm).

đ) Tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên của sở, ngành, địa phương.

- Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên.

- Việc bố trí, phân công nhiệm vụ đối với đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên của sở, ngành, địa phương.

(Thống kê số liệu theo Phụ lục V gửi kèm).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.
2. Kết quả đạt được.
3. Hạn chế, tồn tại.
4. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại.
5. Bài học kinh nghiệm.

(Các mục 1,2,3,4 đánh giá theo các nội dung: sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; vai trò, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện; kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển thanh niên; tổ chức bộ máy; kinh phí thực hiện,...).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030:

Nêu phương hướng, nhiệm vụ cụ thể để tiếp tục thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển thanh niên của sở, ngành, địa phương trên cơ sở phân tích xu hướng và dự báo tình hình thanh niên 10 năm tới của sở, ngành, địa phương, trong đó tiếp tục thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp có hiệu quả của giai đoạn 2011- 2020, đồng thời điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp cần thiết để phù hợp với thực tiễn giai đoạn 2021 - 2030.

2. Kiến nghị, đề xuất:

- a) VỚI Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:
- b) VỚI Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan.

Các đề xuất tập trung vào mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp mới trong Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 và các cơ chế, chính sách cụ thể để bồi dưỡng, phát triển và phát huy thanh niên.

Lưu ý:

Đề nghị các sở, ngành và địa phương tổng hợp, báo cáo ngắn gọn, khái

quát đầy đủ nội dung; thống kê chi tiết số liệu theo các phụ lục, trên cơ sở đó đánh giá đúng mức, khách quan kết quả thực hiện để làm tiêu chí xem xét thi đua, khen thưởng thành tích thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020./.

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu Kế hoạch 1042	Chỉ tiêu Chương trình PTIIN của bộ, ngành, địa phương	Kết quả thực hiện (số liệu cụ thể)	CCQ, DV chủ trì thực hiện	CD, DV phối hợp thực hiện	Ghi chú
			Chưa đạt	Đạt	Vượt		
1	Tăng số thanh niên được hỗ trợ ứng dụng, triển khai các ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống so với năm 2015	15%	15%			Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện
2	Tăng số thanh niên làm việc trong các tổ chức Khoa học và công nghệ so với năm 2015	15%	15%			Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện
3	Tăng số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì so với năm 2015	20%	20%			Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện
Mục tiêu 4: Đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng tài năng trẻ, hình thành đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trẻ giỏi trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế							
1	Thanh niên làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp vụ, sở, phòng và tương đương	20%	20%			Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện
2	Thanh niên đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước	15%	15%			Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện
3	Thanh niên đảm nhiệm các chức vụ chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội	15%	15%			Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện
4	Thanh niên là chủ doanh nghiệp/chủ trang trại	20%	20%			Sở Công Thương	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Tỉnh Đoàn
Mục tiêu 5: Giáo dục nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thanh niên							
1	Thanh niên trong lực lượng lao động được giáo dục nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng, hội nhập với thị trường lao động trong nước và quốc tế	70%	85%			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, thành phố

STT	Tên chỉ tiêu	Chi tiêu Kế hoạch 1042	Kết quả thực hiện (số liệu cụ thể)			CQ, ĐV chủ trì thực hiện	CĐ, ĐV phối hợp thực hiện	Ghi chú
			Chi tiêu Chương trình Chương trình PTT của bộ, ngành, địa phương	Chưa đạt	Đạt			
2	Thanh niên trước khi đi lao động có thời hạn ở nước ngoài được học tập, phổ biến các quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và các văn bản pháp lý có liên quan về quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động	100%	100%			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, thành phố	
3	Mỗi năm giải quyết việc làm cho ít nhất 600.000 thanh niên	600.000	63.000			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
4	Giảm tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ở đô thị xuống dưới 7%	7%	2.4%			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
5	Giảm tỷ lệ thanh niên thiểu việc làm ở nông thôn xuống dưới 6%	6%	6%			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
6	Trên 80% thanh niên được tư vấn về nghề nghiệp và việc làm nghiệp	80%	80%			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
7	Thanh niên là học sinh, sinh viên được giáo dục hướng nghiệp	100%	100%			Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	
8	Thanh niên làm việc ở các khu công nghiệp, khu kinh tế được trang bị kiến thức pháp luật, hội nhập quốc tế về lĩnh vực lao động; kiến thức kỹ năng về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	70%	70%			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
9	Thanh niên được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú							
	Thanh niên đô thị	80%	80%			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp huyện	
	Thanh niên ở nông thôn và thanh niên công nhân ở các khu công nghiệp	70%	70%			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp huyện	
	Thanh niên ở miền núi, vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn	60%	60%			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp huyện	

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu Kế hoạch 1042	Chỉ tiêu Chuong trình PITN của bộ, ngành, địa phương	Kết quả thực hiện (số liệu cụ thể)			CQ, DV chủ trì thực hiện	CD, DV phối hợp thực hiện	Ghi chú
				Chưa đạt	Đạt	Vượt			
Mục tiêu 6: Nâng cao sức khỏe, thể lực, tinh thần, kỹ năng sống cho thanh niên									
1	Chiều cao bình quân của thanh niên 18 tuổi:	- Nam: 1m67 - Nữ: 1m56	- Nam: 1m67 - Nữ: 1m56				Sở Y tế	UBND cấp huyện	
2	Thanh niên, vị thành niên được trang bị kiến thức, kỹ năng về sức khỏe, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục	70%	85%				Sở Y tế	UBND cấp huyện	
3	Giảm tỷ lệ sinh con ở độ tuổi vị thành niên so với năm 2015	70%	70%				Sở Y tế	UBND cấp huyện	
4	Trên 80% thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên di cư được tiếp cận với thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục	80%	80%				Sở Y tế	UBND cấp huyện	
5	Thanh niên được trang bị kiến thức về kỹ năng sống, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	70%	85%				Sở Y tế	UBND cấp huyện	
6	Các đối tượng thanh niên dễ bị lừa tốn thương trong xã hội như: Người khuyết tật, người sống chung với HIV/AIDS; người sử dụng ma túy; người hoạt động mại dâm; nạn nhân của tệ nạn buôn bán người, thanh niên chật chội... được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng	70%	70%				Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
7	Trên 90% thanh niên được tuyên truyền thay đổi hành vi, thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử với các đối tượng thanh niên dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính, chuyển giới	90%	90%				Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	

Phy lực V

BIÊU THÔNG KÊ TỔ CHỨC BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH NIÊN
(Kèm theo Kế hoạch số 7588 /KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai)